

CTCP Xây dựng 47 (HSX: C47)

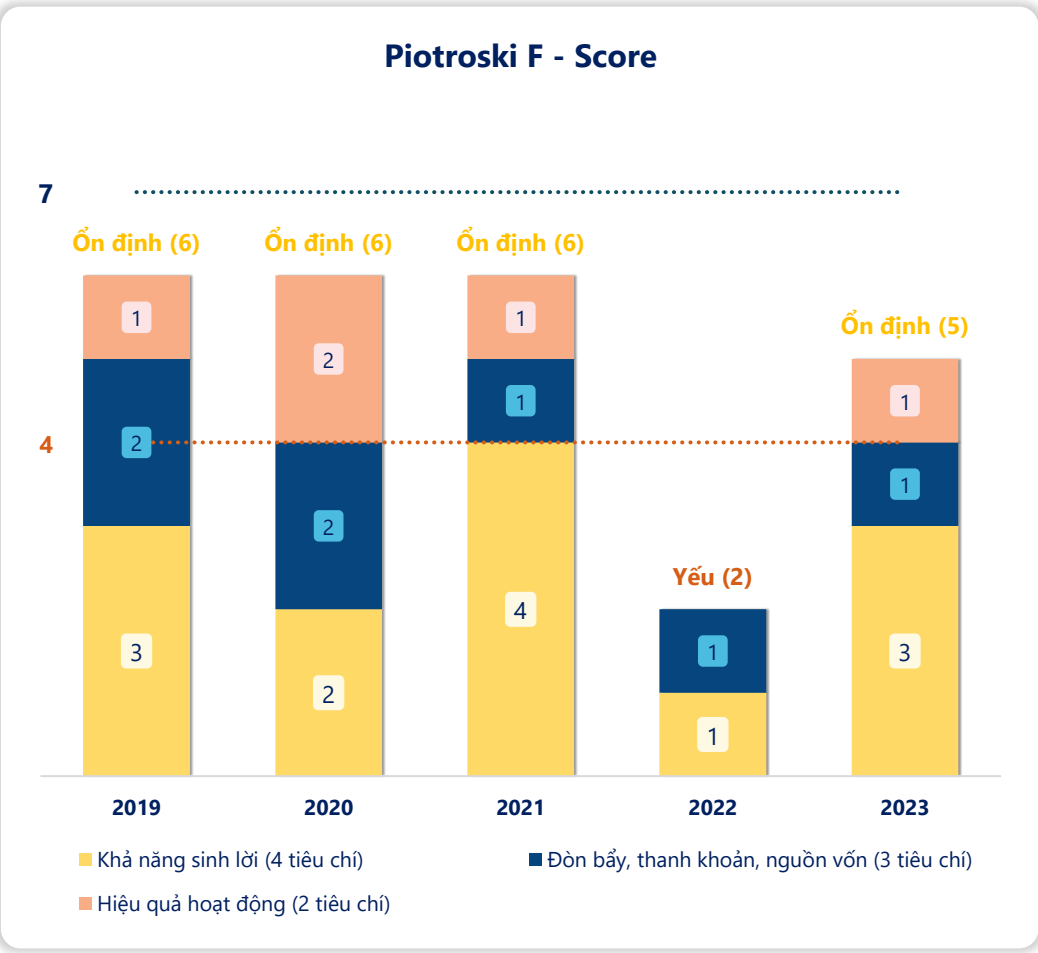
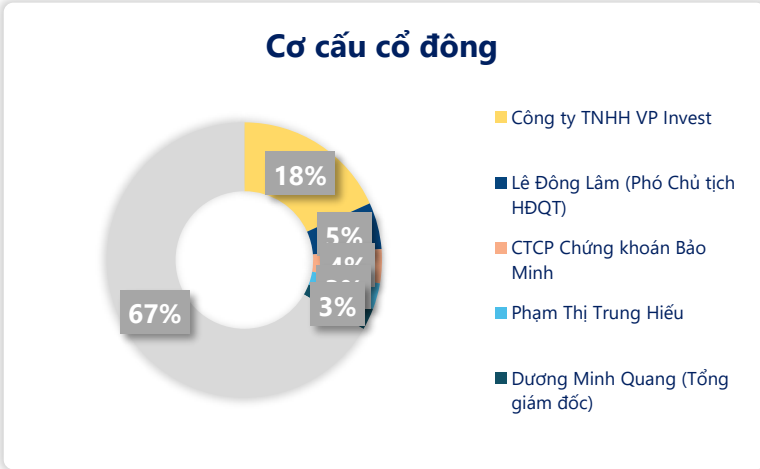
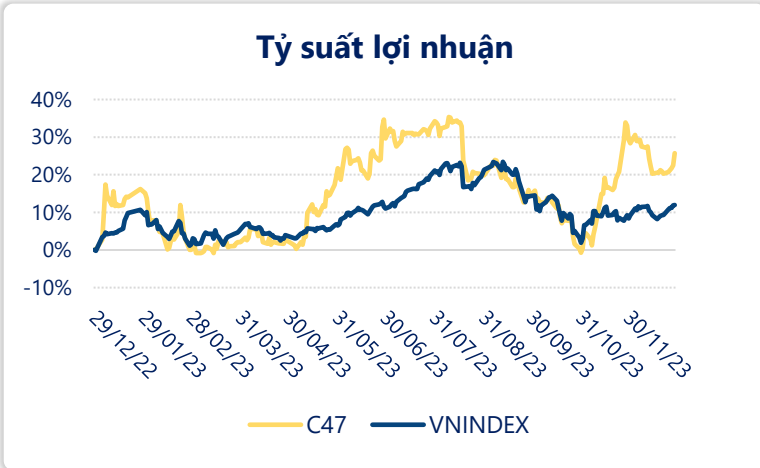
Bảng điểm Piotroski F-Score đánh giá sức khỏe tài chính của doanh nghiệp về tỷ suất lợi nhuận, cơ cấu vốn, tính thanh khoản và hiệu quả hoạt động. Thành phần của Piotroski F-Score gồm 9 chỉ tiêu tài chính, tương ứng với thang điểm từ 0 đến 9.

Ngày	7,000 VNĐ		
29/12/2023			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-3.7%	11.6%	-2.5%

Sức mạnh tài chính	2023
Piotroski F - Score	5/9
2023	(Ổn định)

DT thuần	2023
986	YoY
tỷ VNĐ	▲ 197
	▲ 25.0%

LN sau thuế	2023
14.6	YoY
tỷ VNĐ	▼ 1.00
	▼ 6.5%

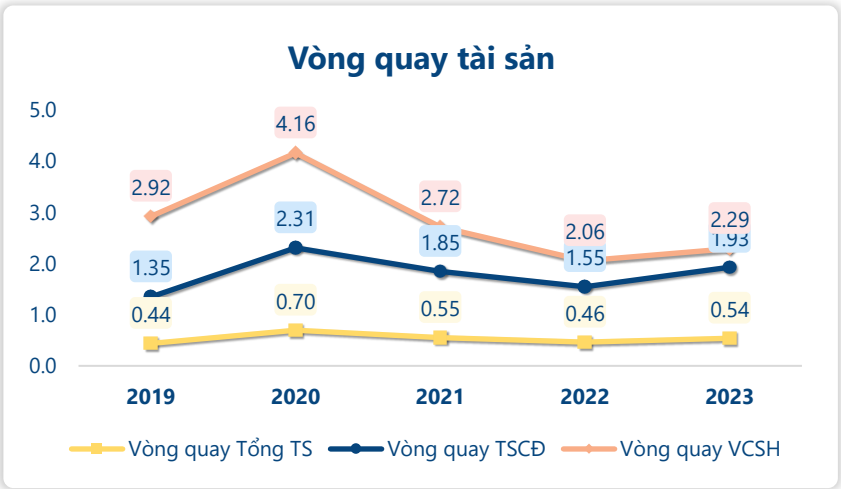
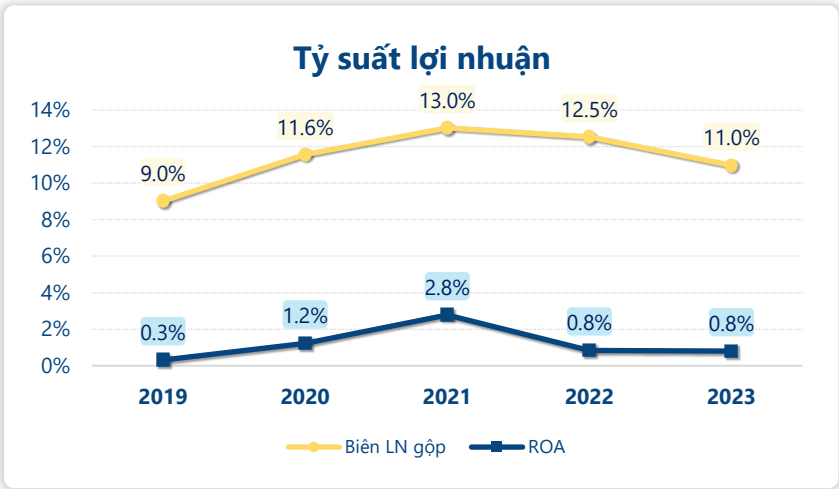
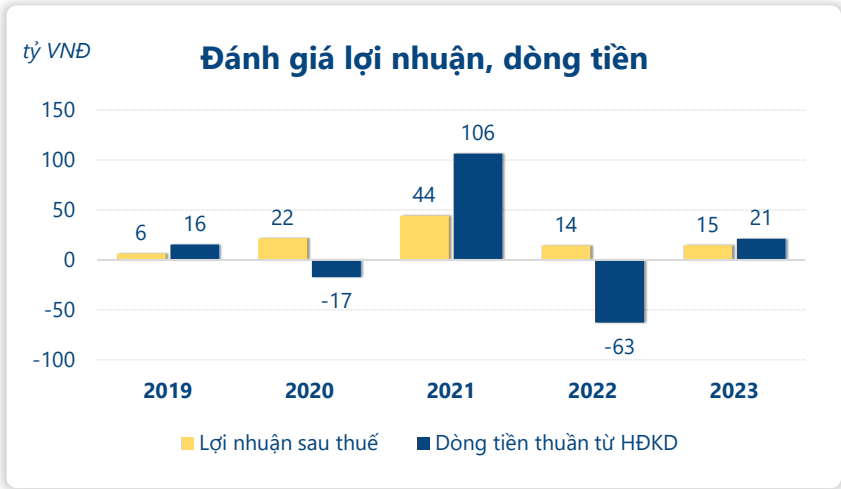


Năm **2023**, F-Score của **C47** đạt **5/9** cao hơn năm trước và sức khỏe tài chính được đánh giá tốt hơn, thuộc vùng "**Ổn định**".

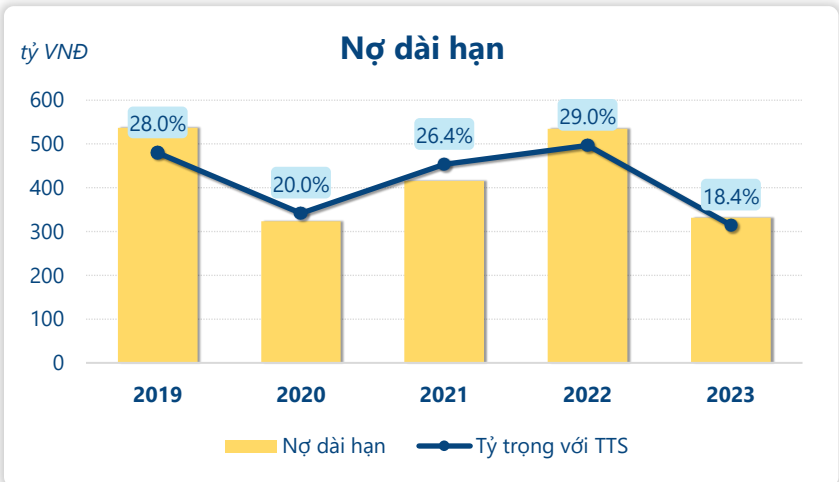
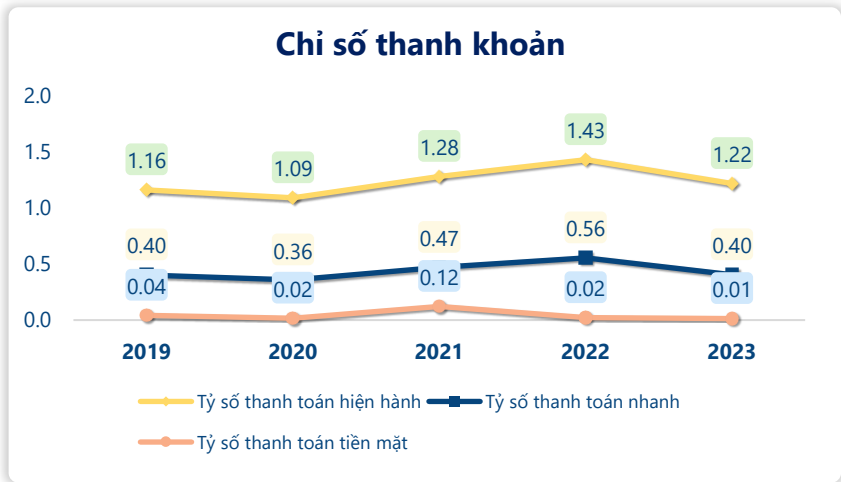
Trong đó, khả năng sinh lời được cải thiện **tăng lên 3/4** điểm, các tiêu chí về: đòn bẩy, thanh khoản, nguồn vốn **không thay đổi** vẫn ở mức **1/3** điểm. Và tiêu chí về hiệu quả hoạt động, đạt **1/2** điểm cải thiện tốt hơn so với năm trước.

Với F-Score ở mức ổn định cho thấy có một số yếu tố tích cực trong tình hình tài chính và hoạt động của công ty, nhưng vẫn còn một số yếu tố cần cải thiện để cải thiện sức khỏe tài chính và tăng cường hiệu quả hoạt động.

CTCP Xây dựng 47 (HSX: C47)



Xét các tiêu chí thành phần của **F-Score** năm **2023** của **C47**: Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh lớn hơn lợi nhuận sau thuế và 2 chỉ tiêu này đều dương là một tín hiệu tích cực cho thấy công ty có chất lượng lợi nhuận tốt và duy trì hoạt động kinh doanh một cách bền vững. Công ty đang gặp khó khăn trong việc tạo ra lợi nhuận từ mỗi đơn vị tài sản khi ROA giảm so với năm trước. Việc giảm tỷ lệ nợ dài hạn so với tổng tài sản thường phản ánh việc doanh nghiệp giảm bớt mức độ phụ thuộc vào nguồn vốn vay dài hạn. Sự suy giảm của tỷ số thanh toán hiện hành có thể gây lo ngại về khả năng thanh toán các nghĩa vụ nợ ngắn hạn, tuy nhiên cũng cần phân tích kỹ hơn để hiểu rõ nguyên nhân của sự suy giảm này. Công ty phát hành cổ phiếu trong kỳ có thể dẫn đến EPS bị pha loãng, làm giảm giá trị cổ phiếu và giảm sự hấp dẫn của công ty đối với các nhà đầu tư.



CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 31/12/2022	Thay đổi
Tổng tài sản	1,806	1,844	-2.1%
Tài sản ngắn hạn	1,265	1,270	-0.4%
Tiền và tương đương tiền	14.0	18.8	-25.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	404	472	-14.4%
Hàng tồn kho	845	777	8.8%
Tài sản ngắn hạn khác	2.08	2.16	-3.6%
Tài sản dài hạn	541	574	-5.9%
Phải thu dài hạn	18.6	16.5	12.2%
Tài sản cố định	502	522	-3.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	1.45	4.31	-66.4%
Đầu tư tài chính dài hạn	2.00	2.49	-19.7%
Tài sản dài hạn khác	16.5	29.1	-43.2%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,368	1,421	-3.8%
Nợ ngắn hạn	1,009	887	13.7%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	593	605	-2.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	245	157	55.5%
Nợ dài hạn	359	534	-32.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	113	115	-1.7%
Nguồn vốn chủ sở hữu	438	423	3.7%
Vốn chủ sở hữu	438	423	3.7%
Vốn điều lệ	363	275	32.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2019	2020	2021	2022	2023
Doanh thu thuần	895	1,233	882	789	986
Giá vốn hàng bán	814	1,091	767	690	878
Lợi nhuận gộp	80.6	143	115	98.8	108
Doanh thu HĐTC	23.0	8.86	20.9	0.43	0.23
Chi phí TC	82.4	67.0	60.8	53.5	69.1
Chi phí lãi vay	72.0	60.8	49.9	50.7	66.8
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	36.1	35.3	32.0	27.2	26.7
LN thuần từ HĐKD	-14.8	49.0	43.0	18.5	12.6
Lợi nhuận khác	22.3	-23.2	13.7	1.24	6.32
LN trước thuế	7.46	25.8	56.7	19.8	19.0
Lợi nhuận sau thuế	3.54	18.3	43.2	15.6	14.6
LNST của CĐ cty mẹ	6.40	21.7	44.3	14.4	14.7

LƯU CHUYỂN TIỀN 1 (tỷ VNĐ)	2019	2020	2021	2022	2023
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	15.6	-17.1	106	-62.8	21.3
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	42.4	82.5	8.05	-9.13	-12.3
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-174	-95.4	-32.6	-8.08	-13.9
Tiền đầu kỳ	163	47.0	16.9	98.8	18.8
Lưu chuyển tiền thuần	-116	-30.1	81.9	-80.0	-4.84
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0	0	0
Tiền cuối kỳ	47.0	16.9	98.8	18.8	14.0